TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2022
V/*v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tâm - Cán bộ hưu
2. Bà Nguyễn Thị Phú- Cán bộ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà*:* Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Giành Cũ, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Giành Cũ, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

Hiện anh H đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2007 tại UBND xã Qúy Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nH không đạt kết quả, chị xét thấy hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc chị và anh đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh đã bỏ đi Đài Loan và không còn liên lạc gì với chị nữa, hiện tại chị không có địa chỉ cụ thể của anh để cung cấp cho Tòa án. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 04/12/2013. Chị B có nguyện vọng nuôi cháu Huy, chị có thu nhập ổn định, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng chị không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H:

Bị đơn là anh H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh H đến nay không nhận được thông tin của anh Đạt

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh H là bà Nguyễn Thị Nghìn, sinh năm 1942, địa chỉ: Thôn Giành Cũ, xã Qúy Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Nghìn thông báo cho anh H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B; yêu cầu anh H viết bản tự khai, lời khai gửi về cho Tòa án; yêu cầu bà Nghìn cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua quá trình làm việc bà Nghìn cho biết: Anh H đi lao động tại nước ngoài từ năm 2020, anh H vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội, bà Nghìn đã thông báo cho anh H biết việc chị B làm đơn ly hôn theo nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đề nghị anh H cung cấp địa chỉ nH anh H không cung cấp và không có ysk iến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

Tiến hành làm việc với cháu Nguyễn Quang Huy, trường hợp bố mẹ cháu ly

hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là chị B

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị B xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 80; 81; 82; khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 04/12/2013 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân

Tối cao; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B anh H theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị B có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ (Theo Công văn số 12996/QLXNC-P5 ngày 23/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin anh Nguyễn Văn H xuất cảnh lần gần đây nhất là ngày 26/7/2020, chưa có thông tin nhập cảnh. Anh H cư trú tại thôn Giành Cũ, xã Qúy Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh B trước khi xuất cảnh ra nước ngoài. Do vậy, vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 10/9/2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qúy Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy tình cảm giữa chị B và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[4]. Về con chung: Chị B và anh H có 01 con chung là Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 04/12/2013, hiện cháu Huy khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị B có nguyện vọng nuôi cháu Huy, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử thấy cháu Huy hiện đang sống cùng với chị B và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị B. Chính vì vậy, để đảm bảo điều kiện cho con chung được phát triển bình thường, tránh xáo trộn về cuộc sống cũng như học tập nên cần giao cháu Huy cho chị B chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về quyền, nghĩa vụ thăm nom con: Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[7] .Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 04/12/2013 cho chị Nguyễn Thị B được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nH được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000477 ngày 14/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị B đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận**:*
- *VKSND tỉnh B;*
- *Cục THADS tỉnh B;*
- *UBND xã Qúy Sơn, huyện Lục Ngạn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu Tổ HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Xuân Chuyển Ngô Văn Bê

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà